Số: 965/QĐ-UBND
Thời gian ký: 2025-04-25T16:41:32+07:00

Phụ lục IV

KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 CỦA HUYỆN EA SÚP

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính, ha									
				Thị trấn Ea Súp	Xã Ia Lốp	Xã Ia Jlơi	Xã Ea Rốk	Xã Ya Tờ Mốt	Xã Ia Rvê	Xã Ea Lê	Xã Cư KBang	Xã Ea Bung	Xã Cư Mlan
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+…	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	**Chuyển đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp**	**NNP/PNN**	**272,20**	**7,89**	**99,35**	**0,97**	**1,95**	**4,89**	**44,52**	**5,05**	**9,92**	**16,93**	**80,72**
-	*Trong đó:*	-											
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	24,22	0,72	13,77	0,10	0,70	3,50	1,92	2,93	0,15	0,20	0,23
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK/PNN	102,89	1,35	35,80	0,20	0,38	0,70	11,70	0,91	2,26	0,12	49,48
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	101,42	5,70	27,47	0,67	0,81	0,62	24,90	1,06	7,51	3,31	29,37
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	4,25									4,25	
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	0,70										0,70
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	38,37		22,31				6,00	0,12		9,00	0,94
-	*Trong đó: đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên*	*RSN/PNN*	16,26		0,25				6,00	0,12		9,00	0,89
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,35	0,13			0,06	0,08		0,03		0,05	
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT/PNN											
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN											
2	**Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp**	**-**	**259,91**			**64,54**						**195,37**	
-	*Trong đó:*	-											
2.1	Chuyển đất trồng lúa sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	LUA/NNP											
2.2	Chuyển đất rừng đặc dụng sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RDD/NNP											
2.3	Chuyển đất rừng phòng hộ sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RPH/NNP											
2.4	Chuyển đất rừng sản xuất sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RSX/NNP	259,91			64,54						195,37	
3	**Chuyển các loại đất khác sang đất chăn nuôi tập trung khi thực hiện các dự án chăn nuôi tập trung quy mô lớn**	**MHT/CNT**	**597,72**		**29,80**		**66,00**	**22,00**	**60,00**		**38,41**	**356,87**	**24,64**
4	**Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp**	**-**											